

Thực trạng công tác giáo dục thể chất của trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

ThS. Phạm Cao Cường ■

TÓM TẮT:

Từ kết quả nghiên cứu đề tài, bài báo tập trung phân tích thực trạng công tác giáo dục thể chất (GDTC) của trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (ĐHKTKTCN). Các nội dung đánh giá gồm: chương trình môn học GDTC; đội ngũ giảng viên (GV); công trình thể thao; hoạt động thể thao ngoại khóa.

Từ khóa: thực trạng, giáo dục thể chất, sinh viên, đại học.

ABSTRACT:

From the research results, the article focuses on analyzing the current situation of physical education of the University of Economic and Technical Industries. Assessment contents including physical education program; teachers; sport facilities; extra-curricular sport activities.

Keywords: status, physical education, student, university.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường ĐHKTKTCN được nâng cấp lên đại học từ năm 2007, đào tạo đa ngành, đa nghề. Tổng số SV hiện tại của trường lên tới 19.000 SV. Với công tác GDTC cho SV, mặc dù lãnh đạo nhà trường rất quan tâm, song còn tồn tại nhiều hạn chế. Các nội dung GDTC cho SV còn đơn điệu, chỉ tổ chức học tập được một số nội dung đơn giản, bắt buộc theo yêu cầu chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) như: chạy 100m, nhảy dây, thể dục và cầu lông, các nội dung tự chọn không thống nhất hàng năm và không có sự thống nhất về chương trình và nội dung. Đồng thời cơ sở vật chất (CSVC) hạn chế đã bó buộc nhiều hoạt động ngoại khóa, không gây hứng thú được cho người học, làm hạn chế phong trào tập luyện TDTT, ảnh hưởng tới sự phát triển thể chất của sinh viên (SV).

Chính vì vậy, vấn đề cấp thiết đặt ra là phải cải tiến nội dung chương trình GDTC của nhà trường, đặc biệt là chương trình tập luyện các môn tự chọn.



(Ảnh minh họa)

Để thực hiện được nhiệm vụ này, cần thiết phải đánh giá thực trạng công tác GDTC của nhà trường về chương trình môn học, đội ngũ GV, CSVC, hoạt động thể thao ngoại khóa... trên cơ sở đó lựa chọn và xây dựng nội dung chương trình GDTC tự chọn cho phù hợp với thực tiễn, phát huy tối đa hiệu quả giờ học các môn thể thao, qua đó nâng cao được hiệu quả công tác GDTC của nhà trường. Từ những lý do trên đề tài tiến hành nghiên cứu: **“Thực trạng công tác GDTC của trường ĐHKTKTCN”**.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, tọa đàm và toán học thống kê.

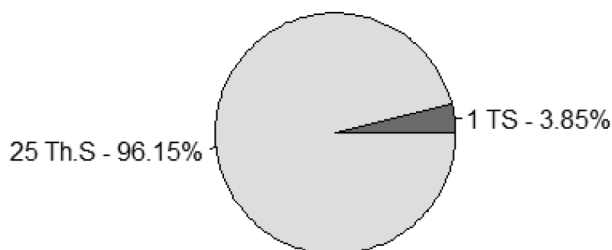
2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng chương trình môn GDTC áp dụng cho SV trường ĐHKTKTCN

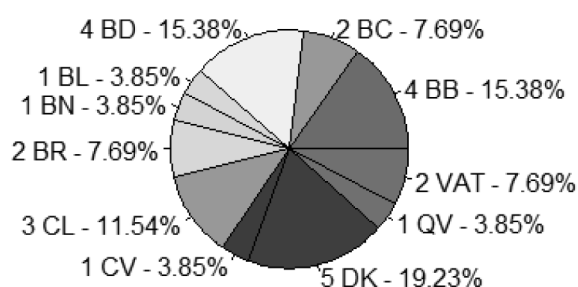
Căn cứ chương trình môn học GDTC của trường ĐHKTKTCN, chúng tôi khái quát quá trình bày những điểm chính ở bảng 1.

Bảng 1. Chương trình môn học GDTC cho SV trường ĐHKTKTCN giai đoạn 2009 - 2017

Tín chỉ	Môn	Số tiết				Số SV/lớp
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Tổng	
1	Điền kinh 1	2	26	2	30	50 - 60
2	Cầu lông 1	2	26	2	30	50 - 60
3	Điền kinh 2	2	26	2	30	50 - 60
4	Cầu lông 2	2	26	2	30	50 - 60
5	Rèn luyện TCTL	2	26	2	30	50 - 60
		10	130	10	150	



Biểu đồ 1. Tỷ lệ về trình độ đào tạo của GV chuyên ngành khoa GDTC - quốc phòng năm học 2016-2017



Biểu đồ 2. Tỷ lệ về chuyên ngành đào tạo của GV khoa GDTC - quốc phòng năm học 2016-2017

Từ kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy: chương trình môn học GDTC của trường ĐHKTKTCN gồm 5 tín chỉ, mỗi tín chỉ 30 tiết, trong đó có 2 tiết lý thuyết, 26 tiết thực hành và 2 tiết kiểm tra. Tổng cộng gồm 150 tiết. Các nội dung chính trong chương trình môn học GDTC gồm: Điền kinh, Cầu lông và rèn luyện tố chất thể lực (TCTL). Trong thực tiễn giảng dạy đã tiến hành biên chế từ 50 - 60 SV trong một lớp tín chỉ. Như vậy, chương trình môn học GDTC của trường ĐHKTKTCN về cơ bản đã đáp ứng được quy định của Bộ GD-ĐT. Tuy nhiên, còn tồn tại một số điểm cần tiếp tục được đổi mới. Chương trình môn học GDTC đã tồn tại trong một thời gian quá dài từ 2009 - 2017 mà chưa có những thay đổi về môn thể thao tự chọn. Vì thực chất môn Cầu lông có mang tính tự chọn với hai cấp độ nâng cao là 1 và 2, song thực chất là do nhà trường chọn, chứ không phải SV tự chọn. Đồng thời nội dung rèn luyện TCTL ở tín chỉ 5 có nhiều tương đồng với tín chỉ 1 và 3 (điền kinh), không phù hợp với SV ở các nhóm sức khỏe yếu hoặc sở thích tập luyện các môn thể thao khác nhau. Từ những phân tích cho thấy, lựa chọn môn thể thao tự chọn và xây dựng chương trình GDTC tự chọn cho SV trường ĐHKTKTCN là hết sức cấp thiết.

2.2. Thực trạng GV giảng dạy chương trình môn GDTC cho SV trường ĐHKTKTCN

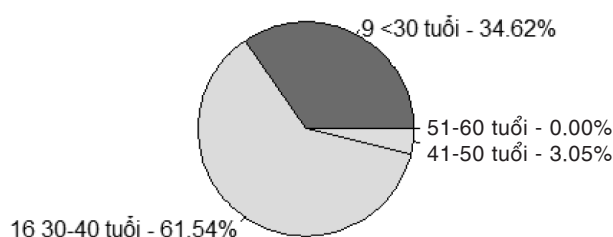
Tính đến năm học 2016 - 2017, theo kết quả thống kê của khoa GDTC - quốc phòng, tổng số GV tham gia giảng dạy môn GDTC cho SV trường ĐHKTKTCN là

26 người. Kết quả được trình bày cụ thể ở biểu đồ 1 đến biểu đồ 4.

Từ kết quả thu được ở biểu đồ 1 và biểu đồ 2 cho thấy: với định hướng của trường ĐHKTKTCN bước đầu là cơ sở đào tạo ứng dụng thì tỷ lệ tiến sĩ phải đạt 25%. Tuy nhiên, tại thời điểm năm học 2016 - 2017 thì GV GDTC chủ yếu có trình độ thạc sĩ với 25/26 người chiếm tỷ lệ 96.15%, trình độ tiến sĩ có 1/26 người chiếm tỷ lệ 3.85%. Thực trạng này sẽ có ảnh hưởng to lớn đến nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và xây dựng chương trình tự chọn môn GDTC nói riêng.

Khi xem xét dưới góc độ chuyên ngành đào tạo của GV cho thấy có thể phân nhóm như sau: điền kinh, bóng đá, cầu lông, bóng bàn chiếm tỷ lệ từ 11.54% đến 15.38%; bóng chuyền, bóng rổ, quần vợt đều chiếm 7.69%; và nhóm cuối gồm bơi lội, bóng ném, cờ vua, quần vợt đều chiếm 3.85%. So sánh với chương trình môn học GDTC cho thấy cơ bản có sự phù hợp. Tuy nhiên, về số lượng GV so với số tín chỉ đào tạo có sự mất cân bằng và cần được xem xét cụ thể. Vấn đề này được phân tích ở bảng 3 và biểu đồ 4.

Tỷ lệ GV/SV ở mức 1/731 là quá cao so với mục tiêu đặt ra trong Luật giáo dục và Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 (đạt 01/500 vào năm 2015, đạt 01/400 vào năm 2020 và đạt 01/300 vào năm 2030). Như vậy, đây sẽ là những thách thức to lớn khi tổ chức giảng dạy các môn GDTC tự chọn đòi hỏi chất lượng cao (tăng tỷ lệ GV/SV và giảm biên



Biểu đồ 3. Tỷ lệ về độ tuổi của GV chuyên ngành khoa GDTC năm 2016

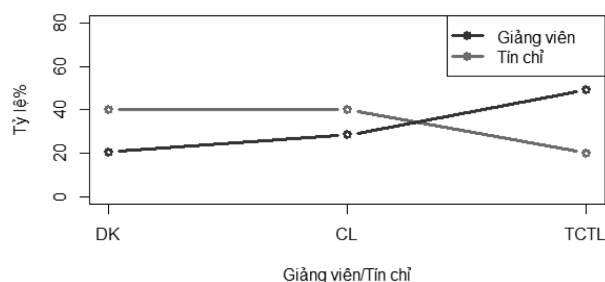
chế SV trong lớp theo các môn thể thao cụ thể). Vì vậy, số lượng môn GDTC tự chọn cần hạn chế từ 2 - 3 môn và có thể tập luyện với số lượng SV lớn nhất ở mỗi buổi tập.

Về đánh giá thực trạng đội ngũ GV phân bố theo độ tuổi được trình bày ở biểu đồ 3.

Kết quả thu được ở biểu đồ 3 cho thấy: phân bố GV GDTC của trường ĐHKTKTCN chưa đồng đều ở các nhóm tuổi, chủ yếu ở nhóm 30 - 40 tuổi chiếm tỷ lệ 61.54% và nhóm < 30 tuổi chiếm 34.6%. Nhóm tuổi tiếp theo là 41-50 chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chỉ với 1 người chiếm tỷ lệ 3.85%; và nhóm tuổi 51 - 60 không có ai. Kết quả cho thấy đây là một thách thức, tuy nhiên cũng là thế mạnh trong triển khai các môn GDTC tự chọn đòi hỏi tính năng động và nhiệt tình của đội ngũ GV.

Khi so sánh đội ngũ GV với số tín chỉ ở các nội dung trong môn GDTC đã thu được kết quả như trình bày ở bảng 2 và biểu đồ 4.

Từ kết quả thu được ở bảng 2 và biểu đồ 4 cho thấy: nếu mức chênh lệch thu được là (+) thì ở môn học đó có sự dư thừa GV hoặc (-) là thiếu GV. Như vậy là có môn Điền kinh và Cầu lông còn thiếu GV, từ 20.77 - 28.46%; nội dung rèn luyện TCTL là dư



Biểu đồ 4. So sánh về tỷ lệ GV và tín chỉ giảng dạy trong chương trình đào tạo môn GDTC

thừa GV, chiếm 49.23%. Như vậy, thực tế các nội dung bắt buộc (điền kinh 1, điền kinh 2) và tự chọn bắt buộc (cầu lông 1, cầu lông 2) là chủ đạo song lại ở tình trạng thiếu GV, nội dung rèn luyện TCTL lại thừa GV. Kết quả này cho thấy có sự mất cân đối trong cấu trúc GV GDTC với việc thực thi chương trình môn GDTC. Do vậy, cần có những điều chỉnh quản lý phù hợp với mục tiêu đào tạo, mà một trong những vấn đề chủ chốt là gia tăng số lượng môn thể thao tự chọn để giảm tải các môn tự chọn hiện có là cầu lông và dịch chuyển số GV dư thừa ở nội dung rèn luyện TCTL. Như vậy, gia tăng số lượng môn GDTC tự chọn bước đầu cho thấy giải quyết được nhiều vấn đề về: cơ cấu đội ngũ GV GDTC, nâng cao chất lượng chương trình môn học GDTC, phát huy điểm mạnh về độ tuổi GV, từng bước giảm tỷ lệ GV/SV dưới góc độ chuyên môn thể thao... Tuy nhiên, việc lựa chọn các môn GDTC tự chọn cần xem xét với sự phù hợp với khả năng đáp ứng của công trình thể thao. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.

2.3. Thực trạng công trình TDTT phục vụ giảng dạy môn GDTC cho SV trường ĐHKTKTCN

Trường ĐHKTKTCN gồm hai cơ sở đào tạo tại

Bảng 2. So sánh thực trạng đội ngũ GV với môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC

TT	Môn học	Tín chỉ		GV		Chênh lệch
		Bắt buộc	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
1	2	3	4	5	6	7 = 6 - 4
1	Điền kinh	4	40	5	19.23	- 20.77
2	Cầu lông	4	40	3	11.54	- 28.46
3	Rèn luyện TCTL	2	20	18	69.23	+ 49.23
	Tổng số	10		26		

Bảng 3. Công trình TDTT phục vụ giảng dạy môn GDTC cho SV trường ĐHKTKTCN

TT	Công trình	Số lượng		Ghi chú	Phục vụ	
		Nam Định	Hà Nội		Giảng dạy	Ngoại khóa
1	Sân bóng đá	2	Thuê mặt bằng công viên Thống Nhất	Sân 7, cỏ nhân tạo		×
2	Sân cầu lông	8		Mini 7	×	
3	Điền kinh	4 đường nội bộ × 100m			×	
4	Phòng tập bóng bàn	6				×
5	Sân bóng rổ	2		Ngoài trời		×

Hà Nội và Nam Định. Kết quả thống kê công trình thể thao được trình bày ở bảng 3.

Từ kết quả thu được ở bảng 3 cho thấy: công trình thể thao phục vụ giảng dạy môn GDTC của trường ĐHKTKTCN là rất hạn hẹp, thiếu cả về số lượng ở từng môn thể thao cụ thể và sự đa dạng để cho các môn thể thao khác. Đặc biệt là tại cơ sở ở Hà Nội thì việc giảng dạy môn GDTC chủ yếu dựa trên hợp đồng “thuê mặt bằng công viên Thống Nhất”. Đây là vấn đề hết sức bất cập và lý giải việc xây dựng chương trình môn GDTC chỉ bao gồm môn Điền kinh và Cầu lông để phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tuy nhiên, khi xem xét công trình thể thao ở cơ sở Nam Định cho thấy có sự đa dạng hơn ở cơ sở Hà Nội với 2 sân bóng đá cỏ nhân tạo (sân 7) và 2 sân bóng rổ. Do vậy, chương trình môn GDTC không thể giống nhau giữa cơ sở Hà Nội và Nam Định, vì điều kiện công trình thể thao cho thấy có sự khác biệt. Hay nói cách khác, SV học tập ở cơ sở Nam Định có thể lựa chọn được 2 môn Bóng đá và Bóng rổ là môn thể thao tự chọn. Tuy nhiên, hiện cả hai chương trình môn học Bóng đá và Bóng rổ ở cơ sở Nam Định đều chưa được xây dựng. Mặc dù bước đầu đã có sự tham gia tập luyện của SV, hướng dẫn của GV. Do vậy, xây dựng chương trình môn học bóng đá và bóng rổ cho SV trường ĐHKTKTCN là hết sức cần thiết và phù hợp với điều kiện công trình thể thao ở cơ sở Nam Định.

2.4. Thực trạng hoạt động ngoại khóa của SV trường ĐHKTKTCN

Kết quả đánh giá thực trạng hoạt động ngoại khóa của SV trường ĐHKTKTCN đã gồm môn Bóng đá và Bóng rổ. Tuy nhiên, số lượng còn hạn chế, chủ yếu là tự tập và chưa có GV hướng dẫn. Hàng năm đã tổ chức giải bóng đá nội bộ với 10 đội cho 10 liên chi: kế toán, tài chính - ngân hàng, kinh tế cơ sở, quản trị,

may - thời trang, điện, điện tử, cơ khí, công nghệ thông tin, thực phẩm.

Đánh giá tính tích cực tập luyện thể thao ngoại khóa cho thấy: SV nhận thức tốt ý nghĩa của tập luyện thể thao ngoại khóa, đây là một trong những yếu tố để hình thành nên tính tích cực học tập môn GDTC thể chất tự chọn cho SV trường ĐHKTKTCN. Đa số các SV hiểu rõ ý nghĩa của tập luyện thể thao ngoại khóa và có thái độ tích cực với môn GDTC thể chất tự chọn.

Tính tích cực tập luyện thể thao ngoại khóa chưa cao. Nguyên nhân là chưa có chương trình thể thao ngoại khóa ở những môn yêu thích như bóng đá, bóng rổ. Do vậy, xây dựng chương trình môn GDTC tự chọn là hết sức cấp thiết nhằm đáp ứng nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa cho SV trường ĐHKTKTCN. Đặc biệt là môn Bóng đá và Bóng rổ.

3. KẾT LUẬN

Công tác GDTC của trường ĐHKTKTCN phù hợp với quy định, song môn thể thao tự chọn còn rất ít và chưa mềm dẻo đối với SV; đội ngũ GV hiện nay có sự mất cân đối khi so sánh với khả năng thực thi hiệu quả chương trình môn học GDTC, song lực lượng GV GDTC là có đủ để đảm bảo triển khai các môn thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC, trong đó có môn Bóng đá và Bóng rổ tại cơ sở đào tạo Nam Định; Công trình thể thao chưa đa dạng, tuy nhiên lại chưa phát huy được khả năng hiện có tại cơ sở Nam Định để giảng dạy chương trình môn GDTC tự chọn Bóng đá và Bóng rổ.

Lựa chọn và xây dựng chương trình môn GDTC tự chọn là Bóng đá và Bóng rổ là phù hợp với mục tiêu đào tạo, điều kiện CSVC, đội ngũ GV và thực trạng hoạt động ngoại khóa của SV trường ĐHKTKTCN. Đặc biệt tại cơ sở đào tạo ở Nam Định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (2015), *Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học*, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015.
2. Bộ GD&ĐT (2015), *Thông tư Quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*, Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015.
3. Đại học Quốc gia Hà Nội (2005), *Giáo dục đại học chất lượng và đánh giá*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”*, Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013.

Nguồn bài báo: từ đề tài luận án tiến sĩ “Nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình GDTC tự chọn (bóng đá, bóng rổ) cho SV trường ĐHKTKTCN”, cơ sở đào tạo: trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18/2/2018; ngày phản biện đánh giá: 21/3/2018; ngày chấp nhận đăng: 16/4/2018)